

**1. Tên nhiệm vụ:** Đặc điểm lâm sàng – Giải phẫu bệnh của carcinôm tuyến đại trực tràng tại tỉnh Đồng Nai năm 2014

**2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:** Bệnh viện Đa Khoa Thống Nhất Đồng Nai

**3. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và người tham gia chính:**

**Chủ nhiệm nhiệm vụ:** ThS. BS Nguyễn Thanh Hải

**Cá nhân tham gia:** Lê Thị Hà, Lưu Văn Dũng, Vũ Phương Hoàng, Nguyễn Văn Duy

**4. Mục tiêu của nhiệm vụ:**

- Xác định tỉ lệ một số đặc điểm lâm sàng (tuổi, giới tính, tiêu phân có máu, tiền sử bản thân bệnh viêm đại trực tràng mạn tính, tiền sử bản thân bị polyp đại trực tràng, tiền sử gia đình bị ung thư đại trực tràng, đái tháo đường type 2, tập thể dục, hút thuốc lá, chỉ số khối cơ thể, di căn hạch, di căn xa).

- Xác định tỉ lệ đặc điểm giải phẫu bệnh của carcinôm tuyến đại trực tràng (đại thể tổn thương, vị trí tổn thương, loại mô học, độ mô học, giai đoạn bệnh Dukes, kích thước bướu).

- Xác định mối liên quan đặc điểm lâm sàng, giải phẫu bệnh của carcinôm tuyến đại trực tràng.

**5. Kết quả thực hiện:**

Về tỉ lệ một số đặc điểm lâm sàng (tuổi, giới tính, tiêu phân có máu, tiền sử bản thân bệnh viêm đại trực tràng mạn tính, tiền sử bản thân bị polyp đại trực tràng, tiền sử gia đình bị ung thư đại trực tràng, đái tháo đường type 2, tập thể dục, hút thuốc lá, chỉ số khối cơ thể, di căn hạch, di căn xa).

Tuổi trung bình tại thời điểm chẩn đoán là 57,2 ( $\pm$  15,1), gặp ở nam nhiều hơn nữ với tỉ lệ nam:nữ là 1,7. Triệu chứng lâm sàng thường gặp là tiêu phân máu (85,09%), tiền sử bản thân bệnh viêm đại trực tràng mạn (14,91%), tiền sử bản thân bị polyp đại trực tràng (13,16%), tiền sử gia đình bị ung thư đại trực tràng (9,65%), bệnh nhân có đái tháo đường type 2 (31,58%), có tập thể dục (6,14%), hút thuốc lá (35,96%), chỉ số khối cơ thể > 23 (34,21%), di căn hạch (24,56%), di căn xa (8,77%).

Về tỉ lệ đặc điểm giải phẫu bệnh của carcinôm tuyến đại trực tràng (đại thể tổn thương, vị trí tổn thương, loại mô học, độ mô học, giai đoạn bệnh Dukes, kích thước bướu).

Tổn thương dạng sùi chiếm đa số (71,05%), vị trí tổn thương thường gặp là ở trực tràng (42,98%), loại mô học không chế nhầy nhiều hơn (89,47%), đa phần là độ mô học biệt hóa vừa (80,70%), giai đoạn bệnh Dukes B gặp thường (64,04%), phần lớn là bướu có kích thước > 50 mm (87,72%).

Về mối liên quan đặc điểm lâm sàng, giải phẫu bệnh của carcinôm tuyến đại trực tràng.

Liên quan giữa nhóm tuổi và vị trí tổn thương ( $p=0,019$ ), liên quan giữa loại mô học và vị trí bướu (trực tràng và đại tràng) ( $p=0,018$ ), liên quan giữa di căn hạch và nhóm tuổi ( $p=0,007$ ), liên quan giữa di căn xa và nhóm tuổi ( $p=0,008$ ), liên quan giữa di căn xa và độ mô học ( $p=0,016$ ), liên quan giữa di căn hạch và loại mô học ( $p=0,001$ ).

**6. Thời gian bắt đầu và kết thúc:** từ tháng 7/2012 đến tháng 6/2015

**7. Kinh phí thực hiện:** 170.203.000 đồng